

KẾ HOẠCH

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tạo sinh kế bền vững từ nông nghiệp

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025, Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa xây dựng Kế hoạch thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tạo sinh kế bền vững từ nông nghiệp như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thúc đẩy nền sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ vào trong sản xuất; mở rộng các vùng liên kết sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô vừa và lớn, sản phẩm hàng hóa có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao gắn với Chương trình OCOP (chương trình mỗi xã một sản phẩm).

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân trên địa bàn.

2. Yêu cầu

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các và nội dung của Kế hoạch đến các cơ quan, đơn vị, các tổ chức và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện.

- Kế hoạch phải được thực hiện đồng bộ, phát huy được tiềm năng, thế mạnh, nâng cao giá trị các cây trồng, vật nuôi của địa phương; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng khoa học, công nghệ nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân, tạo sự ổn định và phát triển bền vững góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy kinh tế - xã hội của huyện phát triển. Đổi mới và nâng cao hiệu quả các

hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hoá; tập trung vào cây trồng, vật nuôi có lợi thế của địa phương với quy mô vừa và lớn, sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Đẩy mạnh liên kết theo chuỗi giá trị giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, trong đó hợp tác xã, doanh nghiệp làm nòng cốt nhằm khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, quản lý chất lượng và tiêu thụ sản phẩm nông sản khó khăn.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch, áp dụng cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân tham gia sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng. Phát triển nông nghiệp hàng hoá kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, thúc đẩy dịch vụ phát triển.

- Thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung, trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, tri thức bản địa gắn với nhu cầu của thị trường; nâng cao trình độ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật của người dân và năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất cho các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025: Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân trên 3-5%/năm; giá trị sản xuất nông nghiệp đạt trên 55 triệu đồng/ha;

- Về trồng trọt: Sử dụng các giống mới ngắn ngày, có năng suất, chất lượng cao để đưa vào sản xuất (sử dụng trên 95% giống ngô và trên 78% giống lúa lai, dần thay đổi giống mía có năng suất cao vào sản xuất); Nâng tỷ lệ cơ giới hóa từ khâu làm đất cho đến khi thu hoạch trên 80%; ứng dụng công nghệ, tưới tiết kiệm, bảo quản, chế biến nông sản đạt trên 10%.

- Về chăn nuôi: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật để cải tạo, phát triển nâng cao chất lượng giống vật nuôi; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ nano, công nghệ mới... trong phòng trừ dịch bệnh, xử lý môi trường, thức ăn chăn nuôi; bảo quản, chế biến, sản xuất thực phẩm; Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, tập huấn chuyên gia theo hướng chăn nuôi an toàn sinh học, xây dựng chuồng trại đảm bảo vệ sinh và tiêu chuẩn kỹ thuật, chăn nuôi không mùi, công nghệ sản xuất thịt sạch, công nghệ xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Tập trung lựa chọn phát triển nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm đặc sản, đặc hữu để phát triển như: chè Đoòng Pán, thạch Mác púp, nếp liệu, bí hương, homstay Mr.Kim, ...Phần đầu có trên 80% sản

phẩm, dịch vụ chủ lực địa phương, sản phẩm OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất

1.1. Trồng trọt

Chuyên giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong canh tác, phòng trừ sâu bệnh hại để nâng cao hiệu quả sản xuất đối với các loại cây trồng chủ lực của huyện như: Mía, lúa, cây ăn quả, rau màu... Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, sử dụng các sản phẩm sinh học trong phòng trừ sâu bệnh hại, xử lý môi trường, sơ chế, bảo quản nông sản... từng bước đẩy mạnh áp dụng mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao...

- Duy trì ổn định diện tích cây lương thực trên 9.500ha, đảm bảo an ninh lương thực và một phần đáp ứng nhu cầu sản xuất thức ăn chăn nuôi tại chỗ; phát triển mở rộng diện tích sản xuất lúa đặc sản hàng hóa. Đẩy mạnh tập huấn chuyên giao khoa học, kỹ thuật, đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa vào từ các khâu làm đất, thu hoạch, chế biến.

- Diện tích mía nguyên liệu ổn định khoảng 2.500 ha đảm bảo cung cấp đủ cho Nhà máy mía đường. Tăng tỷ lệ sử dụng các giống mía có năng suất, chất lượng cao như giống mía KK3, ROC 47... vào sản xuất. Đầu tư hệ thống tưới nhỏ giọt làm mô hình điểm 100 ha tại một số vùng có điều kiện thuận lợi.

- Sản xuất cây gừng, nghệ theo quy trình hữu cơ, quy mô trên 60 ha. Sử dụng giống gừng trâu; nghệ vàng, đỏ chứa hàm lượng curcumin cao, cho năng suất cao, phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của địa phương. Ứng dụng công nghệ Nano trong xử lý giống, xử lý bệnh thối củ. Sử dụng các chế phẩm sinh học trong xử lý phân bón. Sản phẩm sau khi thu hoạch được tập kết, phân loại và đóng gói đảm bảo vệ sinh, chất lượng thành phẩm, cấp mã truy xuất nguồn gốc.

- Sản xuất theo quy trình hữu cơ rau an toàn, xây dựng vùng trồng rau chuyên canh với quy mô diện tích 50 ha tại các xã. Triển khai canh tác trong nhà lưới, nhà vòm để quản lý sâu bệnh, nhiệt độ... sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong sản xuất, sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý phân bón. Áp dụng hệ thống nhà lưới, tưới phun mưa tự động nhằm tiết kiệm nguồn nước, thời gian chăm sóc nhưng vẫn đảm bảo cung cấp đủ lượng nước cho cây sinh trưởng và phát triển tốt. Xây dựng sản phẩm OCOP, hỗ trợ xây dựng nhà sơ chế, bảo quản để sản phẩm rau sau khi thu hoạch được sơ chế, đóng gói, dán tem truy xuất nguồn gốc.

- Cây khoai tây: Sử dụng giống có chất lượng cao, phù hợp điều kiện của địa phương để đưa vào sản xuất, diện tích trên 60 ha. Đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng, áp dụng quy trình khép kín từ khi trồng đến thu hoạch.

- Trồng dưa: Trong năm 2021, xây dựng mô hình sản xuất mẫu 10ha trồng tại các xã Đại Sơn, Cách Linh,... Nếu mô hình có hiệu quả, trong những năm tiếp theo sẽ mở rộng diện tích trồng tại các xã trên địa bàn. Sử dụng giống nhập khẩu có chất lượng cao, phù hợp với điều kiện của địa phương. Tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật từ khi trồng đến thu hoạch. Áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt.

- Trồng khoai lang tím Nhật Bản: Trong năm 2021, xây dựng mô hình sản xuất mẫu trên 10ha, nếu mô hình có hiệu quả sẽ nhân rộng trong những năm tiếp theo, trồng tập trung tại các xã Phúc Sen, Đại Sơn, Hạnh Phúc,... với diện tích trồng 500 ha. Người dân tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc, đầu tư thâm canh. Áp dụng hệ thống tưới thông minh. Kết hợp thực hiện Chương trình OCOP, xây dựng nhà xưởng chế biến sản phẩm củ cải khô, khoai lang sấy, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường quảng bá xây dựng thương hiệu của sản phẩm.

- *Cây chè*: Cải tạo diện tích chè bản địa hiện có tại xã Độc Lập, đồng thời phát triển diện tích trồng mới một số giống chè có năng suất, chất lượng cao tại xã Độc Lập, Phúc Sen, Cai Bộ... nâng tổng diện tích cây chè đến năm 2025 đạt trên 80 ha. Tập trung thực hiện thâm canh nhằm tăng năng suất chè. Liên kết với Viện nghiên cứu và Phát triển chè Phú Thọ hỗ trợ, hướng dẫn người dân về kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến; Hỗ trợ các thiết bị chế biến, bảo quản sản phẩm chè (máy xao, vò, hút chân không...) để thay thế phương pháp thủ công gắn với thực hiện: Chương trình OCOP (Chương trình mỗi xã một sản phẩm).

- Phối hợp các công ty liên kết sản xuất, phát triển mở rộng diện tích vùng trồng thuốc lá tập trung đến năm 2025 đạt trên 100 ha. Đầu tư thâm canh tăng năng suất, sử dụng giống năng suất, chất lượng và ứng dụng quy trình kỹ thuật canh tác, chế biến (xây dựng các lò sấy tiết kiệm nhiên liệu, sấy điện theo công nghệ cao).

- Các loại cây ăn quả: Đầu tư chăm sóc, thâm canh diện tích cây ăn quả hiện có, phát triển vùng trồng mới diện tích cây ăn quả tập trung (Thanh long, Bưởi da xanh, Cam vinh, mít, nhãn, ổi, na, trám...) quy mô trên 500 ha tại các xã, thị trấn. Sử dụng các giống tốt có năng suất, chất lượng cao và đồng đều. Tập trung phát triển theo hướng đầu tư quy trình công nghệ chăm sóc, cải tạo vườn cây ăn quả đã già cỗi, năng suất thấp, xây dựng các vùng sản xuất tập trung áp dụng quy trình VietGap. Áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt cuốn quanh gốc kết hợp đầu bù áp và bồn pha chế phân bón dễ tan dạng nước vừa kết hợp tưới nước vừa có thể bón phân; sử dụng túi bọc quả chống côn trùng chích hút; đốn tỉa cành, tỉa quả chăm sóc cây trồng đúng quy trình tạo sản phẩm đẹp, chất lượng, phát triển thương hiệu sản phẩm.

1.2. Chăn nuôi

* Đối với chăn nuôi bò tập trung

- Tiếp tục tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành và Nhà đầu tư để đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án trang trại chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ

cao để sớm đi vào hoạt động, phấn đấu đến năm 2025 quy mô trang trại đạt 10.000 con bò sữa. Xây dựng vùng trồng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi khoảng trên 900 ha (trồng cỏ, ngô sinh khối) đảm bảo cung cấp đủ thức ăn cho dự án chăn nuôi bò sữa khi đi vào hoạt động.

- Phối hợp với Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư phát triển DO HOLDINGS và các đối tác xây dựng xây dựng khu công nghiệp, chế xuất và trạm trung chuyển, kiểm dịch động vật (chăn nuôi cách ly trâu, bò thương phẩm) trước khi xuất bán sang Trung Quốc.

** Đối với chăn nuôi nông hộ*

- Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, tập huấn chuyên giao khoa học, công nghệ theo hướng chăn nuôi an toàn sinh học, xây dựng chuồng trại đảm bảo vệ sinh và tiêu chuẩn kỹ thuật, áp dụng công nghệ chuồng kín, chăn nuôi không mùi, công nghệ sản xuất thịt sạch, trứng sạch, công nghệ xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Cải tạo, phát triển nâng cao chất lượng giống vật nuôi, hỗ trợ một phần kinh phí mua con giống (trâu, bò, lợn,...) chất lượng cao, từng bước cải tạo chất lượng giống đàn vật nuôi của địa phương. Tập trung phát triển chăn nuôi trâu, bò cái sinh sản trên địa bàn duy trì tổng đàn đạt trên 14.000 con; trâu bò thương phẩm trên 30.000 con; đàn lợn trên 20.000 con; đàn gia cầm trên 300.000 con

- *Thủy sản*: Phát triển thủy sản trên diện tích ao các lòng hồ, phát huy tiềm năng lợi thế. Gắn với xây dựng các vùng nuôi thủy sản hàng hóa tập trung theo mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã, trang trại quy mô lớn. Lựa chọn giống cá phù hợp có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao để đưa vào sản xuất. Triển khai tập huấn, hướng dẫn cho người dân về kỹ thuật nuôi cá lồng bè; hỗ trợ cho người dân về con giống, máy ép cám viên để phát triển sản xuất.

1.3. Lâm nghiệp

Tuyển chọn, bổ sung danh mục các loài dược liệu, cây trồng lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao. Nghiên cứu, ứng dụng các mô hình trồng cây dược liệu, chăn nuôi,... dưới tán rừng, gắn với việc khoanh nuôi tái sinh rừng, tạo sinh kế cho người dân. Thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng và có trồng bổ sung tại các xã, thị trấn trên địa bàn; xây dựng mô hình phát triển cây dược liệu theo hướng hiện đại với quy mô diện tích 10 ha, gồm các loài cây chủ yếu như: Ba Kích, Kim ngân hoa, Hà thủ ô, Sơn đậu căn, Giảo cổ lam, Hồi đầu thảo,... Áp dụng phương pháp tưới tiết kiệm (phun mưa, nhỏ giọt) có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động; sử dụng màng nilon để che phủ luống nhằm chống bốc hơi, cỏ dại và giảm xói mòn đất; sử dụng phân bón vi sinh, hữu cơ.

2. Liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tạo sinh kế bền vững

2.1. Xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị các sản phẩm dựa trên liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp

- Số lượng mô hình thí điểm liên kết: từ 10 mô hình trở lên.

- Sản phẩm và địa bàn thí điểm: Sản phẩm lựa chọn các nhóm mặt hàng nông sản chủ lực có lợi thế so sánh của địa phương để xây dựng mô hình và tập trung vào nhóm sản phẩm sau: gừng, nghệ, cây ăn quả, rau an toàn, dưa, khoai lang tím Nhật bản, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản,... Địa điểm thực hiện tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Nội dung thí điểm:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện các hợp đồng liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân. Tùy theo điều kiện cụ thể liên kết để xác định các nội dung hợp tác, liên kết như: Liên kết trong cung ứng vật tư, giống, vốn, phân bón; đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết như kho bãi, cơ sở chế biến hệ thống tưới, tiêu...; liên kết tiêu thụ sản phẩm.

+ Xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, tiêu thụ nông sản của các doanh nghiệp hợp tác xã tham gia thí điểm.

+ Tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, khả năng áp dụng tiến bộ kỹ thuật, các quy trình sản xuất an toàn (GAP) cho các hộ dân tham gia thí điểm mô hình liên kết.

+ Hỗ trợ xác nhận, chứng nhận sản phẩm an toàn, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm. Tạo điều kiện hỗ trợ người dân được tiếp cận chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết; kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư và tham gia thực hiện các chuỗi liên kết sản xuất trên địa bàn.

+ Theo dõi, tổng kết đánh giá, trao đổi kinh nghiệm và nhân rộng mô hình.

2.2. Hỗ trợ phát triển liên kết theo chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương

Chủ động rà soát các sản phẩm chủ lực theo định hướng đề án tái cơ cấu ngành để tập trung hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu và tổ chức lại sản xuất để xây dựng chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với người dân; các mục tiêu, kế hoạch từng lĩnh vực như sau:

- Trồng trọt: Thực hiện có hiệu quả hỗ trợ phát triển liên kết theo chuỗi giá trị các sản phẩm như: gừng, nghệ, cây ăn quả, rau an toàn, dưa, khoai lang tím Nhật bản,... đảm bảo trên 80 % diện tích trồng có doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết và bao tiêu toàn bộ sản phẩm. Đến năm 2025, phấn đấu có trên 10 doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất có hiệu quả, bền vững trên địa bàn.

- Chăn nuôi: Với xu thế phát triển, việc chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi phát triển mạnh tập trung tại các nông hộ, gia trại, trang trại. Cùng cố, thành lập các hợp tác xã chăn nuôi phục vụ mục tiêu cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu các sản phẩm sạch, an toàn, có nguồn gốc. Xác định vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, sản xuất tập trung, vận động các tổ hợp tác, chủ trang trại, gia trại sản xuất giỏi, có kinh nghiệm và uy tín với cộng đồng làm sáng lập viên, vận động thành lập các hợp

tác xã. Đến năm 2025, có trên 05 doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi và có tham gia liên kết chuỗi giá trị.

- Lâm nghiệp: Thực hiện có hiệu quả việc liên kết giữa các cơ sở chế biến, tiêu thụ gỗ rừng trồng liên kết trực tiếp với các hộ để thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ gỗ rừng. Tăng cường liên kết chặt chẽ giữa người dân và doanh nghiệp từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu, đảm bảo đầu ra ổn định nâng cao giá trị và hiệu quả kinh tế.

- Thủy sản: củng cố, thành lập mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã và là đầu mối liên kết tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp tại các địa phương là rất cần thiết. Phấn đấu đến năm 2025, trên địa bàn huyện có từ trên 03 hợp tác xã để thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp và tập trung ở các xã nuôi nhiều cá lồng.

- Chương trình OCOP: Tiếp tục tuyên truyền, vận động các hộ gia đình, các tổ nhóm tại thôn bản, thành lập các hợp tác xã nhằm phát triển sản phẩm nông sản đặc sản theo 06 nhóm gồm: thực phẩm, đồ uống, thảo dược, sản phẩm may mặc, đồ lưu niệm. Phấn đấu đến năm 2025, có trên 05 hợp tác xã được củng cố, thành lập để tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm đặc thù có giá trị kinh tế cao ở địa phương và có trên 15 sản phẩm OCOP đạt 3 sao, 05 sản phẩm OCOP đạt 4 sao.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tạo sinh kế bền vững từ nông nghiệp; tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động, nhằm thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp; áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, góp nâng cao đời sống, thu nhập cho người nông dân.

2. Về công tác quy hoạch, kế hoạch

Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch nông nghiệp phù hợp với điều kiện địa phương. Chuyển đổi những cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp sang sản xuất hàng hóa có hiệu quả kinh tế cao. Xây dựng vùng sản xuất liên kết theo quy mô tập trung vừa và lớn. Khuyến khích liên kết sản xuất, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất; nơi có điều kiện thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất tạo vùng sản xuất chuyên canh tập trung.

3. Về công tác đào tạo

Nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; chú trọng kỹ năng xây dựng phương án sản xuất hiệu quả, nghiệp vụ tổ chức, quản lý, tiếp cận thị trường, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Đẩy mạnh đào tạo

nguồn nhân lực, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn phục vụ sản xuất hàng hóa chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng yêu cầu sản xuất theo quy trình kỹ thuật công nghệ cao. Công tác đào tạo nghề phải gắn với các chương trình, dự án, các vùng sản xuất sản phẩm hàng hóa tập trung, hợp tác xã, các làng nghề...

4. Về ứng dụng khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh khoa học công nghệ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị. Thực hiện sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Tập trung chuyên giao, ứng dụng tiến bộ khoa học về giống cây trồng, vật nuôi tại địa phương; tăng tỷ lệ sử dụng giống mới, ứng dụng quy trình sản xuất thâm canh tăng năng suất; đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất, chế biến sản phẩm; Thành lập trung tâm dịch vụ, kỹ thuật sản xuất, chủ động cung ứng giống cây trồng nông lâm nghiệp tại địa phương. Liên kết nghiên cứu, đánh giá tính thích nghi của một số cây trồng phục vụ chuyên đổi cơ cấu cây trồng và mở rộng diện tích sản xuất. Nghiên cứu, chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực, nhất là các loại cây dược liệu, rau hoa, giống cỏ, cây ăn quả, gia súc, thủy sản đặc sản,... phù hợp với các vùng sinh thái để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp. Bảo tồn, phát triển những nguồn gen, những giống cây đầu dòng quý hiếm của huyện.

5. Về chế biến nông sản

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, theo hình thức công nghệ cao đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp; chế biến công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng cơ giới hóa đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, làng nghề; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến tinh, sâu đối với các sản phẩm nông sản chủ lực; đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tỷ lệ xuất bán sản phẩm thô, sản phẩm sơ chế.

6. Về đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển mô hình kinh tế tập thể; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết tiêu thụ sản phẩm; thành lập mới hợp tác xã và nâng cao hiệu quả hoạt động, ưu tiên hợp tác xã chuyên ngành như: Hợp tác xã sản xuất về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm sản; hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. Mỗi cơ sở xây dựng 2-3 mô hình hợp tác điển hình tiên tiến cho lĩnh vực thế mạnh của mình để nhân rộng; củng cố và phát triển các tổ chức dịch vụ nông nghiệp phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

7. Xây dựng, quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm

Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm đặc sản, đặc hữu; lựa chọn, định hướng cho các chủ thể phát triển sản phẩm theo chu trình OCOP; tăng cường xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, xúc tiến, quảng bá, giới thiệu, nâng cao sức cạnh tranh các sản phẩm chủ lực, đặc sản của địa phương, để mở rộng

thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa. Chú trọng liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, kiểm soát chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt việc dự báo, thông tin thị trường để định hướng sản xuất, tiêu thụ nông sản hàng hóa.

8. Thực hiện tốt chính sách, thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp

Thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước để thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên xây dựng các cơ sở sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn để phục vụ sản xuất nông nghiệp; khuyến khích, phát triển hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng, đồng thời mời gọi các nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Tuyên truyền, phổ biến những nội dung của kế hoạch đến người dân nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, hưởng ứng trong quá trình triển khai thực hiện; trên cơ sở các nội dung của Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp và PTNT) theo quy định.

2. Phòng Nông nghiệp và PTNT

Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, thị trấn, các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả; Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra trong quá trình tổ chức thực hiện. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho UBND huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tham mưu cho UBND huyện bố trí lồng ghép các nguồn kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hiệu quả.

4. Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp

Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức các lớp tập huấn, chuyên gia khoa học công nghệ cho nhân dân; Hướng dẫn, tư vấn hỗ trợ cho người dân trong việc sử dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo năng suất, chất lượng cao; Phân công cán bộ phụ trách địa bàn, thường xuyên theo dõi tình hình sinh trưởng và phát triển, diễn biến tình hình dịch bệnh trên các loại cây trồng, vật nuôi, kịp thời khuyến cáo, hướng dẫn cho người dân cách phòng, trừ dịch bệnh nhằm làm hạn chế thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện và các tổ chức đoàn thể

Tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện tốt nội dung của kế hoạch này; tham gia xây dựng và thực hiện các đề án, dự án mô hình sản xuất nông nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao. Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ hội viên thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, bảo vệ lợi ích hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất.

Trên đây là kế hoạch thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tạo sinh kế bền vững từ nông nghiệp của UBND huyện Quảng Hòa, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, Các PCT UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch;
- Trung tâm dịch vụ-NN;
- MTTQ và các đoàn thể Ct-Xh huyện;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Hải